TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ T** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 242/2020/QĐST-VHNGĐ	*Tân Uyên, ngày 11 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH B

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 223/2020/TLST-VHNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn".

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

Ông Trần Văn B, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ 5, thôn Nam Hà, xã Đ, huyện L, tỉnh Th; tạm trú: Số nhà 2034D tổ 1, khu phố Phước Hải, phường H, thị xã T, tỉnh B;

Bà Trương Thị N, sinh năm 1970; Tổ 5, thôn Nam Hà, xã Đ, huyện L, tỉnh Th; tạm trú: Số nhà 2034D tổ 1, khu phố Phước Hải, phường H, thị xã T, tỉnh B;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trần Văn B và bà Trương Thị N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Th và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 02-6-2017. Trong quá trình chung sống, ông bà có hai người con tên Trần Văn C1, sinh năm 1991 và Trần Văn C2, sinh năm 1993 đều đã thành niên. Ngày 24 tháng 8 năm 2020, ông bà có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã T công nhận thuận tình ly hôn. Theo Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã T, ông bà đã thống nhất được các vấn đề theo đơn yêu cầu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã T là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn B và bà Trương Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Trần Văn C1, sinh năm 1991 và Trần Văn C2, sinh năm 1993 đều đã thành niên nên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Văn B và bà Trương Thị N phải nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0051625 ngày 03-9-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh B.

[3] Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B (01);
- VKSND tỉnh B (01);
- VKSND thị xã T (01);
- CCTHA dân sự thị xã T (01);
- UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Th (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: VT; HS (02).

THẨM PHÁN

Võ Thị Hồng Thêm